TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Đường
Ông Nguyễn Văn Ngần

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Anh Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Trà Thị Tuyết S, sinh năm 1991 (Văng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Số nhà 145, tổ 2, khu phố 2, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

* *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1990 (vắng mặt)
HKTT: Khu phố B, phường S, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.
Hiện trú tại: Số nhà 145, tổ 2, khu phố 2, phường B, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2023 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trà Thị Tuyết S trình bày:

Chị S và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 12/12/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại nhà của chị S cho đến nay. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh H lười lao động hay nhậu nhẹt say xỉn về gây gỗ, đập phá đồ đạc trong nhà, đạp phá bàn thờ cha mẹ chị S, hăm doạ đánh chị S và đốt quần áo chị S. Vợ chồng đã tự sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị S thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị S và anh H có một con chung tên Huỳnh Tiểu N – sinh ngày 22/01/2018. Khi ly hôn, chị S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi

cháu N đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/3/2023, anh Huỳnh Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất với phần trình bày của chị S về việc anh và chị S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống. Anh H cho rằng trong quá trình chung sống cũng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Nếu chị S cương quyết ly hôn thì anh H đồng lý ly hôn với chị S.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh H thống nhất yêu cầu của chị S.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi Nên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Trà Thị Tuyết S có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết về con chung với bị đơn Huỳnh Văn H, đồng thời bị đơn cư trú tại địa phận thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên Hội đồng xét xử xác định đây vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân phường S, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước vào ngày 12/12/2017, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, văn bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh H. Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị S và anh H có thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Vợ chồng đã tự sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Sau khi tống đạt thông báo thụ lý vụ án, anh H có đến Toà để trình bày tự khai nhưng không tham gia các buổi hoà giải, từ chối nhận các văn bản tố tụng, từ đó cho thấy anh H không có thiện chí hoà giải, mâu thuẫn giữa chị S và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S, cho chị S được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con và tại bản tự khai của bị đơn cũng đồng ý giao con cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của chị S, giao con chung Huỳnh Tiểu N – sinh ngày 22/01/2018 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi; các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:2Chị S và anh H thống nhất không yêu cầu

giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với quan điểm, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; các điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, cho chị Trà Thị Tuyết S ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

2. Về con chung:

Giao cháu Huỳnh Tiểu N – sinh ngày 22/01/2018 cho chị Trà Thị Tuyết S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Trà Thị Tuyết S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị S đã nộp theo biên lai thu tiền số 000xxx ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 20/7/2023; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- UBND phường S
(số 42, ngày 12/12/20217).
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt